| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Hồng Thùy

2. Ông Bùi Văn Quang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1988;

Cư trú tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bến Tre.

*Bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông V, sinh năm 1963;

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Hộ chiếu số 558729529 do Hòa Kỳ cấp ngày 10/3/2017;

Địa chỉ: II w chew ave P, Pa 19120, Hoa Kỳ.

*Ông V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V do quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Bến Tre ngày 16/03/2020. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, tháng 5/2020 ông V trở về Hoa Kỳ và vợ chồng đã không gặp nhau cho đến nay. Do khoảng cách địa L nên hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu được ly hôn với ông V;

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ngày 25/8/2022, bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình tố tụng.

*Theo văn bản nêu ý kiến ngày 15/05/2022 bị đơn ông V trình bày:*

Ông V thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân vợ chồng không hạnh phúc. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông V có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông V đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết L;

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Do ông V không thể về Việt Nam tham gia tố tụng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu được ly hôn với ông V hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị

Tuyết L và ông V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V do quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/03/2020. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, tháng 5/2020 ông V trở về Hoa Kỳ và vợ chồng đã không gặp nhau cho đến nay. Do khoảng cách địa L, vợ chồng không có điều kiện để gặp mặt, chung sống nên vợ chồng không còn tình cảm. Thấy rằng, bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà L yêu cầu ly hôn với ông V và ông cũng đồng ý ly hôn với bà L nên có cơ sở xác định hôn nhân của bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông V.

Về con chung, về tài sản chung bà L và ông V thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007030 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

[4] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp theo biên lai thu số 0007032 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết L.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông V;

- Về con chung, về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông V trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007030 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp theo biên lai thu số 0007032 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật. Ông V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Đ1;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Ngọt**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Dương Vĩnh Thịnh** | **Dương Thị Hồng Thùy** | **Nguyễn Thị Ngọc Hương** |

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Nẫm;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Trang**